

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/8/2019.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2019/QĐST –HNGĐ ngày 25/7/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Cao Thị H**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: số 45B, ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Trần Phước T**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 45B, ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trần Phước T tự yêu thương và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009. Chị H và anh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2015 thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ít lo lắng cho gia đình, không lo lắng làm ăn, thường xuyên tìm cơ đánh đập chị H nhiều lần. Chị H đã

từng nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng sau đó chị muốn cho anh T cơ hội hàn gắn nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau sự việc đó anh T vẫn không thay đổi, nhiều lần tìm có đánh đập chị mặc dù biết rõ chị H đang mang thai. Hiện tại chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân với anh T hơn 5 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích và không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên Trần Phước Thịnh, sinh ngày 30/12/2009. Cháu Thịnh từ khi sinh ra đã có dấu hiệu bị bệnh tự kỷ, ăn uống và sinh hoạt không bình thường như những đứa trẻ khác, chị H phải mất một thời gian dài mới hiểu và chăm sóc con tốt, nên chị muốn được tiếp tục chăm sóc con để cháu Thịnh phát triển bình thường. Ngoài ra hiện tại chị H đang mang thai cháu thứ hai, được hơn bốn tháng, tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị H và anh T không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Phước T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh T và H được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/02/2010 là đúng. Quá trình chung sống giữa anh và chị H cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Tuy nhiên hiện tại chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý, đến khi nào chị H sinh con xong thì anh T mới đồng ý ly hôn .

- Về con chung: Có 01 người con chung như H trình bày là đúng. Anh T yêu cầu được nuôi con chung do chị H không đảm bảo việc chăm sóc con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với đứa con thứ hai mà hiện nay H đang mang trong bụng thì khi nào chị H sinh ra anh sẽ yêu cầu được nuôi sau.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Cao Thị H và anh Trần Phước T. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn anh Trần Phước T vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*: Chị Cao Thị H và anh Trần Phước T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2010. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa, có khi xô sát với nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị H, chị và anh T chung sống với nhau nhưng thường xuyên cãi vã, do anh T ít lo lắng cho gia đình và còn nhiều lần có hành vi bạo lực với chị. Quá trình làm việc tại Tòa anh T cũng thừa nhận quá trình chung sống anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp và hàn gắn được nữa, hiện anh và chị H đã sống ly thân với nhau hơn 5 tháng nay nhưng anh không muốn ly hôn vào thời điểm hiện tại, khi nào chị H sinh con xong thì anh mới đồng ý ly hôn.

Qua đó HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh T trình bày giữa anh chị có 01 người con chung tên Trần Phước Thịnh, sinh ngày 30/12/2009. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, tại các bản khai anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thịnh.

Quá trình làm việc xét thấy chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao các con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét đến nguyện vọng và sự phát triển toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với cháu Thịnh sau này. Tại phiên tòa chị H trình bày từ khi sinh ra cháu Thịnh đã có dấu hiệu bị bệnh tự kỷ, cháu Thịnh ăn uống và sinh hoạt

không giống với những đứa trẻ khác, việc cháu Thịnh phát triển được như hiện tại đều là do chị H quan tâm, chăm sóc rất chu đáo, cháu Thịnh hiện đã đi học như tiếp thu còn chậm và ăn uống vẫn chưa hoàn toàn bình thường, chị H đã chăm sóc từ nhỏ đến nay, thiết nghĩ chị đã quen với tính tình, hiểu được tâm sinh lý cũng như quá trình sinh hoạt của con, do đó việc giao các con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu Thịnh. Mặt khác tại bản tự khai thì cháu Thịnh trình bày nếu cha mẹ ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ tức chị H. Do đó việc chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thịnh là có cơ sở để được chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thịnh.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị H không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị H và anh T đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị H và anh T đều trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Chị Cao Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trần Phước T.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Phước Thịnh, sinh ngày 30/12/2009 cho chị Cao Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh Trần Phước T có quyền được thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Cao Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005519 ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Cao Thị H không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn An**